TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2020/DS-PT
Ngày 22 tháng 7 năm 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Lê Phước Thanh
Ông Phạm Tồn

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1166/2020/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1953; cư trú tại: Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1940; cư trú tại: Thôn Đ 1, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 04/12/2009; có mặt).

2. Ông Đỗ Trần T, sinh năm 1976; cư trú tại: Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2020; có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1957; cư trú tại: Thôn T Bắc, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Bùi Đ, sinh năm 1932; cư trú tại: Thôn Đ 1, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (chết ngày 14/5/2018 âm lịch);

2. Chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm 1970; cư trú tại: Thôn T Bắc, thị trấn B,

huyện H, Bình Định (có mặt);

3. Ông Trần Ngọc B, sinh năm 1947; cư trú tại: USA (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1940; cư trú tại: Thôn Đ 1, xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2009; có mặt).

4. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định; địa chỉ: Số 06, đường 26/3, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện H: Ông Hồ H, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H (Văn bản ủy quyền ngày 13/5/2019; vắng mặt).

5. Anh Bùi Thanh T, sinh năm 1980 (vắng mặt);
6. Anh Bùi Thanh T1, sinh năm 1978 (vắng mặt);
7. Chị Bùi Thanh T2, sinh năm 1983 (có mặt);
8. Chị Bùi Thị Hoa H, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: Thôn T Bắc, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, anh T1, chị T2 và chị H: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1957; cư trú tại: Thôn T Bắc, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 25/3/2019 và 12/4/2010; có mặt).

- ***Người kháng cáo:*** Bà Bùi Thị N (là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Đ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 31/3/2008 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trần Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cụ Trần C (không rõ năm chết) và cụ Bùi Thị C1 (chết ngày 07/3/2006) có 02 người con là bà Trần Thị Đ và ông Trần Ngọc B.

Ngày 16/01/1951, cụ C1 được hưởng di sản thừa kế do gia tộc họ Bùi để lại là 07 khoảnh ruộng, trong đó có *"Khoảnh số hiệu 49, diện tích 1 mẫu 02 sào, hai thước, giới cận 46-50-51-52, Đ 48, bản đồ 3, xứ Bàu Sen, địa bộ thôn T trị giá bạc 12.000 đồng"* nay là thửa đất số 818 tờ bản đồ số 23 (bản đồ năm 1997), tại khối T Bắc, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định. Trên thửa đất này có 15 cây dừa và một số ngôi mộ của gia đình cụ C1.

Năm 1975, cụ C1 cùng hai con là bà Đ và ông B vào sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh nên cụ C1 nhờ ông Bùi Đ là cháu gọi cụ C1 là cô trông coi hộ thửa đất nêu trên.

Năm 1977, vợ chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L và ông Bùi M xin ông Bùi Đ và cụ C1 cho ở nhờ, cụ C1 đồng ý nên vợ chồng bà L xây nhà, trồng cây trên đất. Năm 1996, bà Đ cho chị Nguyễn Thị Yến N (là con bà Bùi Thị N) xây quán trên một phần đất để bán hàng (phần đất này bà Đ không tranh chấp). Gia đình bà Đ không

biết việc ông M chồng bà L đã kê khai và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất vào ngày 21/02/1997. Đến nay bà Đ nhận được thông tin bà L phân chia thửa đất cho các con, bà Đ không đồng ý và yêu cầu bà L phải trả lại đất nhưng bà L không trả. Do đó, bà Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSD đất mà UBND huyện H đã cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Bùi M và yêu cầu gia đình bà L phải trả lại toàn bộ diện tích đất nêu trên cho bà Đ.

2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Chồng bà là ông Bùi M (chết năm 2003). Khi bà kết hôn với ông M, vợ chồng bà sống chung với gia đình chồng. Năm 1977, được sự đồng ý của ông Bùi Đ, vợ chồng bà xây dựng nhà kiên cố trên diện tích đất mà bà Trần Thị Đ đang tranh chấp. Quá trình quản lý đất, ông M đã kê khai đăng ký và được cấp GCNQSD đất vào ngày 21/02/1997 với tổng diện tích 6.874 m^2, bao gồm 02 thửa đất (trong đó, đất có nguồn gốc của cụ C1 là 5.794 m^2; còn lại 1.080 m^2 là đất có nguồn gốc của người khác). Năm 1985, ngôi nhà do vợ chồng bà xây dựng bị bão làm hư hỏng nên vợ chồng bà xây dựng sửa chữa lại trên nền nhà cũ nhưng diện tích lớn hơn, từ năm 1977 cho đến năm 2007 không có ai tranh chấp.

Năm 1996, chị Nguyễn Thị Yến N (con bà Bùi Thị N) có hỏi xin ông M cho làm một quán bán hàng và được ông M đồng ý, sau đó ông M có nói lại với bà và bà cũng chấp nhận.

Cuối năm 2007 bà Trần Thị Đ đến gặp bà, bà Đ đưa giấy tờ đất và yêu cầu bà trả lại toàn bộ diện tích đất mà nhà nước đã cấp cho hộ gia đình bà; bà không chấp nhận nên bà Đ khởi kiện bà đến Tòa án. Bà không đồng ý trả đất cho bà Đ vì đất này gia đình bà đã sử dụng trên 30 năm và được nhà nước cân đối, cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình bà.

3. Ý kiến của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Người đại diện theo ủy quyền của Uỷ ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Định trình bày:

Thực hiện Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ và Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ, thửa đất số 818 tờ bản đồ số 23 (Bản đồ năm 1997) được đo đạc thể hiện tại thửa đất 542 tờ bản đồ số 04, diện tích 5.962 m^2 (Bản đồ năm 1985) do ông Bùi M (chồng bà Nguyễn Thị Mỹ L) kê khai đăng ký, sử dụng đất tại trang 133, quyển số 01 số mục kê đất đai lập năm 1982. Khi có chủ trương thành lập hợp tác xã nông nghiệp, hộ ông Bùi M (Bùi Văn M) có đơn xin vào Hợp tác xã nông nghiệp B, huyện H đề ngày 21/8/1978.

Khi thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, UBND thị trấn B điều tra nhân khẩu, hộ ông M có 06 nhân khẩu gồm: Ông Bùi M (chủ hộ), bà Nguyễn Thị Mỹ L (vợ) và 04 người con là Bùi Thanh T1, Bùi Thanh T, Bùi Thanh T2 và Bùi Thị Hoa H. Một nhân khẩu được nhận diện tích quy chuẩn là 318,33 m^2; hộ ông Bùi M có 06 khẩu x 318,33 m^2 = 1.909,98 m^2 đất. Ruộng đất đã

cân đối xét cấp GCNQSD đất cho hộ ông Bùi M gồm: Thửa đất số 818 tờ bản đồ số 23 (Bản đồ năm 1997) diện tích 5.794 m^2, trong đó có 200 m^2 đất ở được trừ ra không cân đối, còn lại 5.594 m^2 đất vườn hạng 6 : 4,07 (hệ số điều chỉnh) = 1.374,44 m^2 đất quy chuẩn; thửa đất số 756 tờ bản đồ số 23 (Bản đồ 1997) diện tích 1.080 m^2, loại đất màu, hạng 6 : 4,07 (hệ số điều chỉnh) = 265,35 m^2 đất quy chuẩn.

N vậy, diện tích đất quy chuẩn của 02 thửa đất nêu trên là 1.639,79 m^2; cân đối giữa 06 nhân khẩu và diện tích đất quy chuẩn hộ ông Bùi M được nhận là: 1.909,98 m^2 - 1.639,79 m^2 = 270,1 m^2 đất quy chuẩn còn thiếu đối với hộ ông Bùi M. Tuy nhiên, tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất, hộ ông M đã thống nhất không yêu cầu, khiếu nại gì về việc giao ruộng đất còn thiếu 270,1 m^2 đất quy chuẩn so với nhân khẩu nên UBND thị trấn B không xem xét giao thêm ruộng đất gì từ đó đến nay.

Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 28/3/2019 của Hội đồng thẩm định và đo đạc lại (bằng máy) thửa đất số 818 tờ bản đồ số 23 (Bản đồ 1997) thì diện tích thực tế là 5.802,8 m^2 (tăng 8,8 m^2) là do sai số đo đạc. Phần diện tích 8,8 m^2 này hộ tiếp tục sử dụng mà không có cân đối giao quyền bổ sung. Việc cấp GCNQSD đất cho hộ ông Bùi M là đúng trình tự, thủ tục nên đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

3.2. Ông Trần Ngọc B (do bà Bùi Thị N đại diện theo ủy quyền) trình bày: Thống nhất như yêu cầu của bà Đ.

3.3. Ông Bùi Đ trình bày: Thống nhất như lời trình bày của bà Đ; ông vẫn nợ vàng của bà L; ông không bán đất của cụ C1 cho bà L.

3.4. Chị Nguyễn Thị Yến N trình bày: Chị được bà Đ cho phép xây quán trên đất để bán hàng vào năm 1996 nên chị không đồng ý trả lại đất cho ai.

4. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Đ về việc đòi lại toàn bộ diện tích đất thửa đất số 818 tờ bản đồ số 23 tại thôn T Bắc, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện H đã cấp cho hộ ông Bùi M vào ngày 21/02/1997.

2. Giao cho bà Trần Thị Đ được sử dụng diện tích đất 101,5 m^2 (trong đó có 40 m^2 đất ở và 61,5 m^2 đất vườn) thửa đất số 818 tờ bản đồ số 23 tại T Bắc, thị trấn B, huyện H, tỉnh Bình Định. Trên đất có nhà quán do chị Nguyễn Thị Yến N xây dựng (Có sơ đồ kèm theo).

3. Buộc Bà Trần Thị Đ phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị Yến N số tiền 46.889.955 đồng để được sở hữu nhà quán.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi suất do

chậm thi hành án dân sự; nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản; phổ biến quyền kháng cáo và thủ tục về thi hành án dân sự cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

5. Kháng cáo: Ngày 19/9/2019 và ngày 25/9/2019, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Bùi Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ý kiến giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo; Hội đồng xét xử đã giải thích và tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; việc Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Vụ án này đã được Tòa án giải quyết qua nhiều lượt tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 20/5/2014, bà Nguyễn Thị Hồng V là Hội thẩm nhân dân đã tham gia Hội đồng xét xử vụ án này. Sau khi Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18 và 19/9/2019 Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Hồng V tiếp tục tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án là vi phạm khoản 3 Điều 53 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, của người đại diện hợp pháp của các đương sự, của những người tham gia tố tụng khác và ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa mở ngày 05/5/2020, bà Bùi Thị N (là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn) trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng V là Hội thẩm nhân dân đã tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án này vào ngày 20/5/2014. Sau khi Tòa án nhân dân tối cao hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18 và 19/9/2019, Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Hồng V tiếp tục tham gia Hội đồng

xét xử sơ thẩm vụ án này. Bà N khẳng định bà Nguyễn Thị Hồng V tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm tại hai phiên tòa nêu trên là một người chứ không phải là hai người khác nhau trùng tên Nguyễn Thị Hồng V. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã quyết định hoãn phiên tòa và có văn bản yêu cầu Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xác định sự việc nêu trên.

Tại Văn bản số 1863/2020/CV-TA ngày 08/5/2020, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã xác định Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Hồng V đã tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm tại hai phiên tòa nêu trên là đúng sự thật.

N vậy, việc Hội thẩm nhân dân Nguyễn Thị Hồng V tiếp tục tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án vào ngày 18 và 19/9/2019 là vi phạm vào quy định tại khoản 3 Điều 53 của Bộ luật Tố tụng dân sự: *"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi trong những trường hợp sau đây: 3. Họ đã tham gia giải quyết theo thủ tục sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vụ việc dân sự đó và đã ra bản án sơ thẩm,..."*. Căn cứ vào khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cần phải tuyên hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm cho đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với nội dung kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Do bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng bị hủy để xét xử lại nên Hội đồng xét xử không có cơ sở giải quyết về nội dung vụ án. Khi giải quyết, xét xử lại vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cần xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện ý kiến phát biểu của các đương sự trong quá trình tố tụng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để tiếp tục hòa giải, tạo điều kiện cho các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Trường hợp các đương sự không thỏa thuận được thì cần xem xét, đánh giá đúng lỗi của các bên; nhu cầu sử dụng đất, tài sản trên đất của các bên; việc tạo điều kiện thăm viếng các ngôi mộ của phía nguyên đơn để giải quyết vụ án vừa bảo đảm đúng quy định của pháp luật, vừa bảo đảm phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng tại địa phương.

[3] Về án phí: Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do bản án sơ thẩm bị hủy để xét xử lại nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng

đất" giữa nguyên đơn là bà Trần Thị Đ, bị đơn là bà Nguyễn Thị Mỹ L; chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/7/2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Điền

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.